

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**QUẬN H**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2020

Về việc tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- *THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Phương.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà **Trần Thị Minh.**

- Bà **Phạm Thị Trinh.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Bích Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân quận H, THnh phố H Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXX - ST ngày 28 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2020, giữa:

**-Nguyên đơn:** Chị **Hán Thị Thu T**, sinh năm 1982. (Có mặt)

HKTT: Số 1 ngõ 255/11/24 đường L, phường V, quận H, Hà Nội.

Chỗ ở: Số 93 Phố Mã, xã P, huyện S, H Nội.

**-Bị đơn:** Anh **Nguyễn Quang H**, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

HKTT và chỗ ở: Số 1 ngõ 255/11/24 đường L, phường V, quận H, Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hán Thị Thu T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Quang H vào ngày 30/11/2006, trước khi cưới hai bên có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S, Hà Nội, đây là lần kết hôn thứ nhất.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, bên cạnh đó do anh H nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình không chung thủy, từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 02/2018 từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý và không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh An, sinh ngày 06/12/2007 và cháu Nguyễn Phúc Sơn, sinh ngày 18/4/2015, hiện hai cháu đang ở với chị và đang ăn học tại xã P, huyện S, Hà Nội. Ly hôn chị xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thu nhập hàng tháng hiện nay của chị khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung của vợ chồng (Động sản + bất động sản): Vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và văn bản tố tụng khác bị đơn anh Nguyễn Quang H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Hán Thị Thu T vào ngày 30/11/2006, trước khi cưới hai bên có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S, Hà Nội, đây là lần kết hôn thứ nhất.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc không có phát sinh mâu thuẫn gì, tuy nhiên đến khoảng tháng 8/2019 vợ chồng có xảy ra bất đồng quan điểm sống và xảy ra cãi vã nhau, vì công việc của anh bận rộn nên anh giành cho gia đình, giành cho vợ con hơi ít. Vợ chồng chấm dứt quan hệ sinh lý từ khoảng tháng 5/2019, đến tháng 12/2019 thì chị T đưa hai con về sinh sống tại quê ngoại ở huyện Sóc Sơn, trong thời gian này anh có nhắn tin thăm hỏi và mong chị T về chung sống, nhưng từ đó đến nay chị T không về chung sống với anh.

Nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn, chị T xin ly hôn anh không nhất trí.

- Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh An, sinh ngày 06/12/2007 và cháu Nguyễn Phúc Sơn, sinh ngày 18/4/2015, hiện hai cháu đang ở với chị và đang ăn học tại xã P, huyện S, Hà Nội.

Ly hôn anh H xin được nuôi cả hai cháu vì anh mong muốn hai cháu được ở cùng nhau và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thu nhập của anh hiện nay là 8.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung của vợ chồng (Động sản + bất động sản): Vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Chị Hán Thị Thu T khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, chị sống với anh H không có hạnh phúc. Đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng. Do đó, chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh H. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu Nguyễn Phúc Sơn, sinh ngày 18/4/2015, để anh H nuôi cháu Nguyễn Khánh An, sinh ngày 06/12/2007, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không ai vay nợ vợ chồng. Bị đơn: Vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa đã công bố lời khai của anh H thể hiện tại bản tự khai; biên bản hòa giải và Biên bản xác minh với tổ dân phố, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, bản tự khai của cháu Nguyễn Khánh An. Chị T nghe rõ các lời khai trên và thừa nhận đúng. Song, chị T vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H, Thành phố H Nội thụ lý Đơn ly hôn của chị Hán Thị Thu T đối với anh Nguyễn Quang H là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 195, 196 và 197 Bộ luật tố tụng dân sự; về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án chuẩn bị đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 103 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Cụ thể, bị đơn chỉ đến tòa và Hòa giải một lần còn các lần khác trốn tránh không đến theo giấy báo của Tòa án, dẫn đến Tòa án phải làm thủ tục niêm yết nhiều lần. Đó là sự khó khăn của Tòa án trong việc tiến hành tố tụng,

có thể dẫn đến thời hạn giải quyết vụ án bị kéo dài. Tại phiên tòa ngày 09/6/2020, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt, nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiếp tục xét xử là đúng theo quy định.

Kiểm sát viên đề nghị về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, yêu cầu của các đương sự, phân tích căn cứ pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hán Thị Thu T, xử cho chị T ly hôn anh H; giao con chung cháu Nguyễn Phúc Sơn, sinh ngày 18/4/2015 cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Khánh An, sinh ngày 06/12/2007 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu khác; về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không giải quyết; về khoản nợ chung: Không có, nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Chị Hán Thị Thu T có đơn ly hôn đối với anh Nguyễn Quang H, nơi cư trú: Số 1 ngõ 255/11/24 đường L, V, H, H Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố H Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Quang H đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, sau đó có bản tự khai và có tham gia một phiên hòa giải nhưng vắng mặt và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/5/2020. Tại phiên hòa giải ngày 20/5/2020 anh H xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 5/2019, vợ chồng hiện nay sống ly thân mỗi người một nơi, chị T và hai con đã về S, H sinh sống, nay chị T xin ly hôn anh không nhất trí, tại phiên tòa ngày 09/6/2020 bị đơn anh H đã vắng mặt không có lý do lần thứ nhất nên HĐXX phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất, Do vậy Tòa án cần mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hán Thị Thu T và anh Nguyễn Quang H kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Ngày 30/11/2006 anh, chị đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S, Hà Nội. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa

hợp, bên cạnh đó do anh H nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình không chung thủy, từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 02/2018, từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý và không còn quan tâm đến nhau. Anh H mặc dù thể hiện quan điểm không đồng ý ly hôn, nhưng trong quá trình hòa giải anh H không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bản thân chị T vẫn cương quyết xin ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh H không đồng ý ly hôn thể hiện việc gây khó khăn cho chị T là không đúng với tình trạng hôn nhân của anh chị tại thời điểm chị T xin ly hôn. Do vậy chị T yêu cầu được ly hôn đối với anh H căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị T ly hôn anh H.

Về con chung: Xác định chị Hán Thị Thu T và anh Nguyễn Quang H có hai con chung, tên là Nguyễn Khánh An, sinh ngày 06/12/2007 và Nguyễn Phúc Sơn, sinh ngày 18/4/2015, hiện hai cháu đang ở với chị và đang ăn học tại xã P, huyện S, Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án, chị T xin được nuôi cả hai cháu, và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện hai cháu đang ăn học ổn định và đang do chị nuôi dưỡng, mặt khác hiện chị đang có công việc và thu nhập ổn định. Thu nhập hàng tháng hiện nay của chị 15.000.000 đồng/tháng và chị đã có xác nhận của đơn vị quản lý. Anh H xác định nếu phải ly hôn anh xin được nuôi cả hai cháu vì anh mong muốn hai cháu được ở cùng nhau và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thu nhập của anh hiện nay là 8.000.000 đồng/tháng, nhưng anh H không chứng minh được thu nhập Hng tháng của anh để Tòa án xem xét. Tuy nhiên tại phiên tòa chị T xin được nuôi cháu Nguyễn Phúc Sơn, sinh ngày 18/4/2015, để anh H nuôi cháu Nguyễn Khánh An, sinh ngày 06/12/2007, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị T xin được nuôi cháu Nguyễn Phúc Sơn, sinh ngày 18/4/2015, để anh H nuôi cháu Nguyễn Khánh An, sinh ngày 06/12/2007, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung trên là phù hợp pháp luật, do vậy cần giao con chung là cháu Nguyễn Phúc Sơn, sinh ngày 18/4/2015 cho chị T nuôi dưỡng, để anh H nuôi cháu Nguyễn Khánh An, sinh ngày 06/12/2007, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung trên là phù hợp pháp luật là phù hợp quy định của pháp luật.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Chị Hán Thị Thu T và anh Nguyễn Quang H thống nhất xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị Hán Thị Thu T và anh Nguyễn Quang H cùng xác định không có vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Hán Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Quang H không phải chịu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hán Thị Thu T. Cho chị Hán Thị Thu T ly hôn anh Nguyễn Quang H.

2. Về con chung:

Giao chị Hán Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Phúc Sơn, sinh ngày 18/4/2015; Giao anh Nguyễn Quang H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Khánh An, sinh ngày 06/12/2007, kể từ tháng 6/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Hoàn việc dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu khác.

Chị Hán Thị Thu T và anh Nguyễn Quang H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung:* Chị Hán Thị Thu T và anh Nguyễn Quang H thống nhất xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Hán Thị Thu T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0005266 ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân

sự quận H, Thành phố H Nội. Chị Hán Thị Thu T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hán Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Quang H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND THnh phố H Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- UBND xã P, huyện S, TP. H Nội; (GCNKH số 94, quyền số 01 ngày 30/11/2006)
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Xuân Phương**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Phương**



**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HOANG MAI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi       giờ       , ngày 23/6/2020. Tại phòng nghị án, TAND quận H;

**Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương** – Thẩm phán

Hội thẩm nhân dân :       - Bà **Trần Thị Minh.**

- Bà **Phạm Thị Trinh.**

Hội đồng xét xử nghị án về vụ án Tranh chấp ly hôn thụ lý số 140/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXX - ST ngày 28 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2020, giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Chị **Hán Thị Thu T**, sinh năm 1982. (Có mặt)

HKTT: Số 1 ngõ 255/11/24 đường L, V, H, H Nội.

Chỗ ở: Số 93 Phố Mã, xã P, huyện S, H Nội.

**-Bị đơn:** Anh **Nguyễn Quang H**, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

HKTT và chỗ ở: Số 1 ngõ 255/11/24 đường L, V, H, H Nội.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật*

#### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

**Về tố tụng:** Việc chị Hán Thị Thu T xin ly hôn anh Nguyễn Quang H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### ***Biểu quyết 3/3***

**\*Về điều luật áp dụng:** Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn,

giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban Hành kèm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/201

***Biểu quyết 3/3***

**\*Phần quyết định:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hán Thị Thu T. Cho chị Hán Thị Thu T ly hôn anh Nguyễn Quang H.

*Về con chung:*

Giao chị Hán Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Phúc Sơn, sinh ngày 18/4/2015; Giao anh Nguyễn Quang H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Khánh An, sinh ngày 06/12/2007, kể từ tháng 6/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Hoàn việc dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu khác.

Chị Hán Thị Thu T và anh Nguyễn Quang H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

*Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung:* Chị Hán Thị Thu T, anh Nguyễn Quang H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*Về án phí:* Chị Hán Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0005266 ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố H Nội. Chị Hán Thị Thu T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Về quyền kháng cáo:* Chị Hán Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Quang H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Biểu quyết 3/3***

Biên bản kết thúc vào hồi            giờ            ngày 23/6/2020.

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây .

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Phương**

